

**Danh sách nhóm 3: Yên Thành + Nghĩa Đàn + Quỳnh Châu + Thái Hoà (Đợt tập huấn ngày 24, 25/8/2022)**

1. Vũ Thị Nga – 0326276619
2. Phan Thị Nhị- 0859600270
3. Trần Thị Vân- 0345828028
4. Nguyễn Quốc Võ – 0976252886
5. Nguyễn Văn Huy – 0904679222
6. Hoàng Quỳnh Nga- 0948190577
7. Trương Thị Thắm – 0942794272
8. Nguyễn Vĩnh Long – 0949830279
9. Trần Thanh Tiến – 0836995266
10. Bùi Thị Hồng Nga- 0973559028
11. Nguyễn Thị Kim Oanh – 0385786997
12. Nguyễn Thị Thanh Thuý- 0918043420
13. Nguyễn Thị Kiều – 0848802669
14. Nguyễn Thị Lan Hương – 0916557830
15. Phan Thị Huyền - 0989200201

**MA TRẬN + BẢN ĐẶC TẢ + ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I KHTN 6 NHÓM 1**

**a) Ma trận**

- **Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì I, khi kết thúc nội dung chủ đề 3.*
- **Thời gian làm bài:** 90 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*
- **Cấu trúc:**
  - Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*
  - Phần trắc nghiệm: *4,0 điểm, gồm 16 câu hỏi (ở mức độ nhận biết: 16 câu)*
  - Phần tự luận: *6,0 điểm gồm 4 câu (Thông hiểu 2 câu (3 điểm); Vận dụng 1 câu (2 điểm); Vận dụng cao: 1 câu (1 điểm))*

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		TN/Tổng số ý TL		
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1. Mở đầu (7 tiết)		10								2,5	2,5
2. Chất quanh ta (7 tiết)			1 câu 2,5							2,5	2,5
3. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng. (8 tiết)		6	1 câu 0,5				1 câu 1,0			6	3,0
4. Hỗn hợp – Tách chất ra khỏi hỗn hợp (6 tiết)					1 câu 2,0				1		2,0
<b>Số câu TN/Tổng số ý TL</b>		<b>16</b>	<b>2</b>		<b>1</b>		<b>1</b>		<b>4</b>	<b>16</b>	<b>10,00</b>
<b>Tổng số điểm</b>	<b>4,0 điểm</b>		<b>3,0 điểm</b>		<b>2,0 điểm</b>		<b>1,0 điểm</b>		<b>10 điểm</b>		<b>10 điểm</b>

**b) Bản đặc tả**

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
<b>1. Mở đầu (7 tiết)</b>				<b>10</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên</li> <li>- Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành.</li> <li>- Các phép đo</li> </ul>	<b>Nhận biết</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết được khái niệm Khoa học tự nhiên.</li> <li>– Biết được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.</li> <li>– Biết được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiển vi,...).</li> </ul>		<b>4</b>		<b>C1,2,3,4</b>
	<b>Nhận biết</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian.</li> <li>- Biết được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian.</li> <li>- Biết được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian.</li> <li>– Biết được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.</li> </ul>		<b>6</b>		<b>C5, 6,7,8 9,10</b>
<b>2. Chất quanh ta (7 tiết)</b>						
	<b>Thông hiểu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất.</li> <li>– Hiểu được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.</li> <li>– Hiểu được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.</li> </ul>	<b>1</b>		<b>C17</b>	

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu được vai trò của không khí đối với tự nhiên.</li> <li>– Hiểu được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.</li> </ul>				
<b>3. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)</b>						
	<b>Nhận biết</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất.</li> <li>- Biết được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ..</li> <li>- Biết được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ...; sơ lược về an ninh năng lượng.</li> </ul>		<b>6</b>		<b>C11, 12, 13, 14, 15, 16</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Một số vật liệu</li> <li>– Một số nhiên liệu</li> <li>– Một số nguyên liệu</li> <li>– Một số lương thực – thực phẩm</li> </ul>	<b>Thông hiểu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- *Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như:</li> </ul>	<b>1</b>		<b>C18</b>	
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thủy tinh, ...);</li> <li>+ Một số nhiên liệu (than, gas, xăng</li> </ul>				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		dầu, ...); sơ lược về an ninh năng lượng; + Một số nguyên liệu (quặng, đá vôi, ...); + Một số lương thực – thực phẩm.				
	<b>Vận dụng cao</b>	– Vận dụng các kiến thức đã học để đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng cũng như thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm.	<b>1</b>		<b>C19</b>	

<b>4. Tách chất ra khỏi hỗn hợp</b>						
	<b>Vận dụng</b>	– Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.	<b>1</b>		<b>C20</b>	
<b>Tổng</b>			<b>4</b>	<b>16</b>		

### C. Đề kiểm tra.

#### Phần 1: Trắc nghiệm: 16 câu.

**Câu 1 :** Khoa học tự nhiên không bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

A. Vật lí học

B. Khoa học Trái Đất

C. Thiên văn học

D. Tâm lí học

**Câu 2:** Cách sử dụng kính lúp nào sau đây là đúng?

A. Đặt kính ở khoảng sao cho nhìn thấy vật rõ nét, mắt nhìn vào mặt kính.

B. Đặt kính cách xa mắt, mắt nhìn vào mặt kính.

C. Đặt kính ở khoảng 20 cm, mắt nhìn vào mặt kính.

D. Đặt kính trong khoảng mắt không phải điều tiết, mắt nhìn vào mặt kính.

**Câu 3:** Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?

A. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của bàn bè trong lớp.

B. Có thể nhận biết hóa chất bằng cách ngửi hóa chất.

C. Mang đồ ăn vào phòng thực hành.

D. Đọc kĩ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.

**Câu 4:** Khi sử dụng kính hiển vi để quan sát các vật nhỏ, người ta điều chỉnh theo cách nào sau đây?

A. Thay đổi khoảng cách giữa vật và vật kính bằng cách đưa toàn bộ ống kính lên hay xuống sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

B. Thay đổi khoảng cách giữa vật và vật kính bằng cách giữ nguyên toàn bộ ống kính, đưa vật lại gần vật kính sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

C. Thay đổi khoảng cách giữa vật kính và thị kính sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

D. Thay đổi khoảng cách giữa vật và thị kính sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

**Câu 5:** Đơn vị nào là đơn vị đo độ dài hợp pháp của nước ta?

A. Mét (m)

B. Kilômét (km)

C. Centimét (cm)

D. Đềximét (dm)

**Câu 6.** Đơn vị đo khối lượng trong hệ đo lường hợp pháp của nước ta là đơn vị nào sau đây?

A. Kilôgam

B. Gam

C. Tấn

D. Lạng

**Câu 7.** Đơn vị cơ bản đo thời gian trong hệ đo lường hợp pháp của nước ta là:

A. Giờ

B. Giây

C. Phút

D. Ngày

**Câu 8:** Người ta thường sử dụng dụng cụ nào sau đây để đo chiều dài của vật?

A. Thước thẳng, thước dây, thước đo độ

B. Thước kẹp, thước cuộn, thước dây

C. Compa, thước mét, thước đo độ

D. Thước kẹp, thước thẳng, compa

**Câu 9.** Phát biểu nào sau đây là **sai**?

A. Mọi vật đều có khối lượng.

B. Người ta sử dụng cân để đo khối lượng.

**C. Khối lượng là số đo của lượng bao bì chứa vật.**

D. Các đơn vị đo khối lượng là miligam, gam, tạ, ... .

**Câu 10** Cho các bước đo độ dài gồm:

(1) Đặt thước đo và mắt nhìn đúng cách.

(2) Ước lượng độ dài cần đo để chọn thước đo thích hợp.

(3) Đọc, ghi kết quả đo đúng quy định.

Thứ tự đúng các bước thực hiện để đo độ dài là

**A. (2), (1), (3).**

B. (3), (2), (1).

C. (1), (2), (3).

D. (2), (3), (1).

**Câu 11:** Trong các vật liệu sau, vật liệu nào dẫn điện tốt?

A. Thủy tinh      **B. Kim loại**      C. Cao su      D. Gốm

**Câu 12:** Khi dùng gỗ để sản xuất giấy thì người ta sẽ gọi gỗ là

A. nhiên liệu.

**B. nguyên liệu.**



C. phế liệu.

D. vật liệu.

**Câu 13: Vật liệu nào sau đây hầu như không thể tái sinh?**

A. Bông.

B. Gỗ.

C. Dầu thô.

D. Nông sản.

**Câu 14: Trong các thực phẩm dưới đây, loại nào chứa nhiều protein (chất đạm) nhất?**

A. Thịt.

B. Gạo.

C. Rau xanh.

D. Gạo và rau xanh.

**Câu 15: Gạo sẽ cung cấp chất dinh dưỡng nào nhiều nhất cho cơ thể?**

A. Vitamin.

B. Protein (chất đạm).

C. Lipit (chất béo).

D. Carbohydrate (chất đường, bột).

**Câu 16: Mô hình 3R có nghĩa là gì?**

A. Sử dụng các vật liệu ít gây ô nhiễm môi trường.

B. Sử dụng vật liệu với mục tiêu giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng.

C. Sử dụng vật liệu có hiệu quả, an toàn, tiết kiệm.

D. Sử dụng các vật liệu chất lượng cao, mẫu mã đẹp, hình thức phù hợp.

**Phần 2: Tự luận: 4 câu – 6 điểm**

**Câu 17: (2,5 điểm) Hãy nêu vai trò của không khí ? Các nguồn gây ô nhiễm không khí ?**

**Câu 18:** (0,5 điểm) Trình bày ứng dụng của kim loại?

**Câu 19:** (1,0 điểm) Làm thế nào có thể biết được kim loại có tính dẫn điện, dẫn nhiệt và có thể bị gỉ?

**Câu 20:** (2,0 điểm) Một học sinh tiến hành 2 thí nghiệm:

+ Thí nghiệm 1: Cho một thìa đường vào cốc nước thứ nhất, khuấy đều.

+ Thí nghiệm 2: Cho một thìa bột sắt vào cốc nước thứ hai, khuấy đều.

a) Nêu hiện tượng quan sát được ở 2 cốc?

b) Cốc nào là dung dịch, cốc nào là nhũ tương.

### **Đáp án**

#### **Phần 1. TRẮC NGHIỆM: 4 điểm (đúng mỗi câu được 0,25 điểm)**

<b>Câu</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>13</b>	<b>14</b>	<b>15</b>	<b>16</b>
<b>Đ/A</b>	D	A	D	A	A	A	B	B	C	A	B	B	C	A	D	B

#### **Phần 2. TỰ LUẬN: 6 điểm**

**Câu 17:** (2,5 điểm)

+ Vai trò của không khí:

- Điều hòa khí hậu, bảo vệ trái đất khỏi các thiên thạch. (0,5 điểm)

- Oxygen trong không khí cần cho sự hô hấp, sự cháy. (0,5 điểm)

- Nitrogen trong không khí chuyển hóa trong hợp chất (khi có mưa đông sấm chớp) có lợi cho cây xanh. (0,25 điểm)

- Carbon dioxide cần cho quá trình quang hợp của cây xanh. (0,25 điểm)

+ Các nguồn gây ô nhiễm không khí: (Đúng mỗi ý cho 0,25 điểm)

- Rác thải

- Cháy rừng

- Khí thải từ động cơ (ô tô, xe máy ...)

- Khí thải từ các nhà máy.

**Câu 18:** (0,5 điểm)

Ứng dụng của kim loại:

- Dùng làm dây dẫn điện, nồi đun nấu ...
- Làm cầu, cổng, khung, nhà, cửa...

**Câu 19:** (1,0 điểm)

Đề xuất phương án để biết kim loại có tính chất:

- + Dẫn điện: Làm thí nghiệm chứng minh tính dẫn điện của kim loại (hình 12.3) (0,5 điểm)
- + Dẫn nhiệt: Làm thí nghiệm chứng minh tính dẫn nhiệt (như hình 12.4) (0,25 điểm)
- + Dễ bị gỉ: Để một thanh sắt ngoài trời một thời gian thấy thanh sắt bị gỉ. (0,25 điểm)

**Câu 20:** (2,0 điểm)

a) Hiện tượng quan sát được:

Cốc 1: Đường tan hoàn toàn tạo thành cốc nước đường trong suốt. (0,5 điểm)

Cốc thứ 2: Tạo thành cốc nước sần dây có màu trắng đục. (0,5 điểm)

b) Cốc 1: Là dung dịch (0,5 điểm)

Cốc 2: Là huyền phù. (0,5 điểm)

